

BÁO CÁO

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG MYANMAR

THÁNG 7 NĂM 2011

I. TÌNH HÌNH GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG CỦA MYANMAR THÁNG 7 NĂM 2011

Tình hình giá cả hàng hóa tháng 7 năm 2011 so với tháng 6 năm 2011 như sau:

Hàng hóa	Giá trong nước (USD/Tấn)				Giá xuất khẩu trung bình (USD/Tấn)		Giá nhập khẩu trung bình (USD/Tấn)	
	Giá tối thiểu		Giá tối đa		Tháng 7/11	Tháng 6/11	Tháng 7/11	Tháng 6/11
	Tháng 7/11	Tháng 6/11	Tháng 7/11	Tháng 6/11				
Gạo	300	300	340	350	392	390		
Cà phê hạt	1.200	1.200	1.650	1.650			1.059	1.323
Chè	1.300	1.300	1.800	1.800				
Cao su	3.000	3.000	3.800	3.950	4.629	4.931		
Hạt tiêu	2.700	2.700	3.600	3.600				
Ngô vàng	180	180	230	230	286	268		
Lạc nhân	900	900	1.180	1.150				
Hạt vừng trắng	1.160	1.160	1.250	1.280	1.617	1.625		
Hạt vừng đen	900	900	1.140	1.140				
Đậu xanh	950	950	1.100	1.100	1.129	1.151		
Đậu tương	400	400	510	510				
Đậu đen	700	700	780	810	859	918		
Đậu đỏ	650	650	700	720	663	767		

Hàng hóa	Giá trong nước (USD/Tấn)				Giá xuất khẩu trung bình (USD/Tấn)		Giá nhập khẩu trung bình (USD/Tấn)	
	Giá tối thiểu		Giá tối đa		Tháng 7/11	Tháng 6/11	Tháng 7/11	Tháng 6/11
	Tháng 7/11	Tháng 6/11	Tháng 7/11	Tháng 6/11				
Hành	400	400	600	600				
Tôm hùm đen	2.000	2.000	3.200	3.000	4.664	3.838		
Cá biển đông lạnh	800	800	1.100	1.100	1.367	1.464		
Cua biển	1.700	1.700	2.100	2.200	2.120	4.094		
Thép thanh vằn	600	600	850	850			556	571
Phân bón (Urea)	360	360	400	400			302	277
Hạt nhựa	850	850	1.700	1.700			1.224	1.158
Bông nguyên liệu	700	700	1.100	1.100				
Đường	900	900	1.050	1.050				
Xi măng	120	120	145	145			87	85
Giấy	700	700	930	950			637	685
Gỗ Teak đã xẻ	1.700	1.700	1.800	1.800	916	1.495		

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 7 năm 2011 của Myanmar giảm khoảng 0,3% (- 0,3%) so với tháng 6 năm 2011.

Đầu năm 2011, Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của Myanmar đã có xu hướng tiếp tục tăng lên: tháng 1 năm 2011 tăng khoảng 0,6% so với tháng 12 năm 2010. So với tháng trước, CPI tháng 2 năm 2011 tăng khoảng 1,6%; tháng 3 năm 2011 tăng khoảng 3,1%; tháng 4 năm 2011 đã giảm 0,1% (- 0,1%); tháng 5 năm 2011 tăng khoảng 1,4%; tháng 6 năm 2011 giảm khoảng 0,6% (- 0,6%); tháng 7 năm 2011 giảm khoảng 0,3% (- 0,3%).

Tình hình biến động giá cả hàng hóa tiêu dùng trên thị trường trong nước Myanmar tháng 7 năm 2011 so với tháng 6 năm 2011 của một số mặt hàng chủ yếu cụ thể như sau:

Các mặt hàng chủ yếu tăng giá:

Lạc nhân tăng giá 1,5%; Tôm hùm đen tăng giá 4%.

Các mặt hàng chủ yếu không tăng giá:

Cà phê hạt tăng giá 0%; Chè tăng giá 0%; Hạt tiêu tăng giá 0%; Ngô vàng tăng giá 0%; Hạt vừng đen tăng giá 0%; Đậu xanh tăng giá 0%; Đậu tương tăng giá 0%; Hành tăng giá 0%; Cá biển đông lạnh tăng giá 0%; Thép thanh vằn tăng giá 0%; Phân bón Urea tăng giá 0%; Hạt nhựa tăng giá 0%; Bông nguyên liệu tăng giá 0%; Đường tăng giá 0%; Ximăng tăng giá 0%; Gỗ Teak đã xẻ tăng giá 0%.

Các mặt hàng chủ yếu giảm giá:

Gạo giảm giá 1,5% (- 1,5%); Cao su giảm giá 2,2% (- 2,2%); Hạt vừng trắng giảm giá 1,2% (- 1,2%); Đậu đen giảm giá 2% (- 2%); Đậu đỏ giảm giá 1,5% (- 1,5%); Cua biển giảm giá 2,6% (- 2,6%); Giấy giảm giá 1,2% (- 1,2%).

Như vậy, tình hình biến động giá cả hàng hóa tiêu dùng trên thị trường trong nước Myanmar tháng 7 năm 2011 so với tháng 6 năm 2011 của 25 mặt hàng chủ yếu thì 2 mặt hàng chủ yếu tăng giá, 16 mặt hàng chủ yếu không tăng giá và 7 mặt hàng chủ yếu giảm giá.

Tính đến cuối tháng 7 năm 2011, Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của Myanmar tăng khoảng 5,7% so với cuối tháng 12 năm 2010.

Tình hình giá cả hàng hóa tháng 7 năm 2011 so với tháng 7 năm 2010 như sau:

Hàng hóa	Giá trong nước (USD/Tấn)				Giá xuất khẩu trung bình (USD/Tấn)		Giá nhập khẩu trung bình (USD/Tấn)	
	Giá tối thiểu		Giá tối đa		Tháng 7/11	Tháng 7/10	Tháng 7/11	Tháng 7/10
	Tháng 7/11	Tháng 7/10	Tháng 7/11	Tháng 7/10				
Gạo	300	280	340	330	392	339		
Cà phê								

Hàng hóa	Giá trong nước (USD/Tấn)				Giá xuất khẩu trung bình (USD/Tấn)		Giá nhập khẩu trung bình (USD/Tấn)	
	Giá tối thiểu		Giá tối đa		Tháng 7/11	Tháng 7/10	Tháng 7/11	Tháng 7/10
	Tháng 7/11	Tháng 7/10	Tháng 7/11	Tháng 7/10				
hạt	1.200	1.100	1.650	1.700		1.789	1.059	
Chè	1.300	1.300	1.800	1.700		1.789		
Cao su	3.000	1.800	3.800	2.250	4.629	2.994		
Hạt tiêu	2.700	2.700	3.600	3.500				
Ngô vàng	180	170	230	200	286	210		
Lạc nhân	900	850	1.180	1.100				
Hạt vừng trắng	1.160	1.200	1.250	1.350	1.617	1.539		
Hạt vừng đen	900	800	1.140	950				
Đậu xanh	950	950	1.100	1.180	1.129	1.309		
Đậu tương	400	400	510	480				
Đậu đen	700	700	780	950	859	1.119		
Đậu đỏ	650	800	700	980	663	1.074		
Hành	400	300	600	320				
Tôm hùm đen	2.000	2.200	3.200	3.100	4.664	3.735		
Cá biển đông lạnh	800	850	1.100	1.200	1.367	1.658		
Cua biển	1.700	1.600	2.100	3.300	2.120	5.489		

Hàng hóa	Giá trong nước (USD/Tấn)				Giá xuất khẩu trung bình (USD/Tấn)		Giá nhập khẩu trung bình (USD/Tấn)	
	Giá tối thiểu		Giá tối đa		Tháng 7/11	Tháng 7/10	Tháng 7/11	Tháng 7/10
	Tháng 7/11	Tháng 7/10	Tháng 7/11	Tháng 7/10				
Thép thanh vằn	600	600	850	850			556	440
Phân bón (Urea)	360	360	400	380			302	310
Hạt nhựa	850	650	1.700	1.700			1.224	1.321
Bông nguyên liệu	700	650	1.100	950		1.360		
Đường	900	750	1.050	800				
Xi măng	120	120	145	145			87	84
Giấy	700	700	930	970			637	594
Gỗ Teak đã xẻ	1.700	1.800	1.800	2.000	916	1.648		

II. TÌNH HÌNH XUẤT - NHẬP KHẨU HÀNG HÓA CỦA MYANMAR THÁNG 7 VÀ 7 THÁNG ĐẦU NĂM 2011

7 tháng đầu năm 2011, Myanmar xuất khẩu hàng hóa ước đạt **4.014,0 triệu USD, giảm 3,4%**; nhập khẩu hàng hóa ước đạt **5.778,0 triệu USD, tăng 131,8%** so với cùng kỳ năm 2010.

Trong 7 tháng đầu năm 2011, Myanmar xuất khẩu hàng hóa tới 76 thị trường và nhập khẩu hàng hóa từ 114 thị trường trên thế giới.

Những nhóm hàng xuất - nhập khẩu chủ yếu của Myanmar trong 7 tháng đầu năm 2011 ước đạt như sau:

Đơn vị tính: Triệu USD

Số Thứ tự	Hàng hóa	Xuất khẩu		Nhập khẩu	
		Ước tháng 7 năm 2011	Ước 7 tháng đầu năm 2011	Ước tháng 7 năm 2011	Ước 7 tháng đầu năm 2011
I	Động vật sống, thịt các loại	25,6	159,4	8,0	48,7
II	Nông sản	150,7	958,4	7,9	72,6
III	Dầu mỡ động, thực vật			56,9	308,6
IV	Thực phẩm chế biến; rượu bia, nước giải khát; thuốc lá và nguyên liệu thuốc lá	1,0	4,9	11,2	60,1
V	Khoáng sản các loại	89,4	833,4	357,3	1.810,9
VI	Hóa chất		0,6	41,1	251,7
VII	Chất dẻo và đồ nhựa; cao su và sản phẩm cao su	15,0	123,1	31,3	213,9
VIII	Da nguyên liệu và sản phẩm da; lông thú và sản phẩm lông thú; hàng lưu niệm; túi xách và valy	0,6	3,9	1,9	10,6
IX	Gỗ và sản phẩm gỗ; than củi; bần và nút bần; sản phẩm làm bằng rơm; rổ rá	64,1	386,0	0,6	2,3
X	Bột giấy và nguyên liệu làm giấy; giấy, bìa và bao bì các tông các loại	1,1	6,8	9,1	64,8
XI	Dệt may	44,2	323,3	38,6	221,0
XII	Giày dép, mũ, ô dù; gậy, ghế, roi, yên, cương làm bằng da; lông vũ; hoa giả; tóc giả	5,1	33,3	0,8	5,0
XIII	Sản phẩm đá, thạch cao, xi măng, amiăng, mica; đồ gốm; kính và sản phẩm thủy tinh			6,5	45,0
XIV	Ngọc, đá quý, kim loại				

Số Thứ tự	Hàng hóa	Xuất khẩu		Nhập khẩu	
		Ước tháng 7 năm 2011	Ước 7 tháng đầu năm 2011	Ước tháng 7 năm 2011	Ước 7 tháng đầu năm 2011
	quý; quần áo gắn đá quý và kim loại quý; đồ trang sức; tiền làm bằng kim loại quý	40,8	786,1		
XV	Kim loại và sản phẩm làm từ kim loại	9,5	25,5	120,8	565,6
XVI	Máy móc và thiết bị cơ khí; đồ điện; phụ tùng; đồ điện tử và linh kiện	0,1	0,8	163,7	993,0
XVII	Ôtô, máy bay, tàu thủy và thiết bị giao thông vận tải	0,2	0,9	260,3	872,6
XVIII	Thiết bị quang học; máy chụp ảnh; máy đo lường, kiểm tra; dụng cụ y tế; đồng hồ các loại; nhạc cụ; các loại phụ tùng	1,7	9,2	11,2	67,6
XIX	Hàng hóa khác	0,2	5,2	8,0	46,0
XX	Tác phẩm nghệ thuật; bộ sưu tập; đồ cổ	0,1	1,1	22,8	118,0
XXI	Hàng hóa khác: hàng hóa xổ số; hàng thể thao; hàng hóa triển lãm; tài sản cá nhân; hàng mẫu	21,8	352,1		
	Tổng số	471,2	4.014,0	1.158,0	5.778,0

III. KẾ HOẠCH HỢP TÁC KINH TẾ - THƯƠNG MẠI - CÔNG NGHIỆP GIỮA VIỆT NAM VÀ MYANMAR NĂM 2011

Trong năm 2011 kế hoạch hợp tác kinh tế - thương mại - công nghiệp giữa hai nước Việt Nam và Myanmar đã, đang và sẽ triển khai trên các lĩnh vực sau đây:

- Từ ngày 20 - 31 tháng 1 năm 2011, đã diễn ra Hội chợ thương mại Myanmar trong khuôn khổ Hội chợ Xuân 2011 tại Trung tâm triển lãm

Giảng Võ, thành phố Hà Nội; trong đó có 32 gian hàng của các doanh nghiệp Myanmar.

- Từ ngày 13 - 16 tháng 5 năm 2011 có 24 công ty với 24 gian hàng và 39 doanh nhân thành phố Hồ Chí Minh tham dự hội chợ triển lãm Electronics and Living Expo 2011 tại Yangon; nghiên cứu, khảo sát, tìm kiếm đối tác ở thị trường Myanmar.

- Từ ngày 9 - 12 tháng 6 năm 2011 Đoàn Chính phủ và doanh nhân Việt Nam do Phó Thủ tướng Chính phủ Hoàng Trung Hải dẫn đầu thăm chính thức và làm việc tại Myanmar; tổ chức Hội nghị về đầu tư của Việt Nam vào Myanmar tại Nay Pyi Taw và Hội nghị giao thương Việt Nam – Myanmar tại Yangon với sự tham dự của Phó Thủ tướng Chính phủ Hoàng Trung Hải, Phó Tổng thống Myanmar Thiha Thura U Tin Aung Myint Oo, nhiều quan chức Myanmar và Việt Nam, Đại sứ quán Việt Nam tại Myanmar, BIDV, Vietnam Airlines và hàng trăm doanh nhân Myanmar và Việt Nam.

- Ngày 1 tháng 7 năm 2011 tổ chức Hội thảo về phát triển công nghiệp Việt Nam và Myanmar thời kỳ 1986 – 2010 với sự tham dự của Thứ trưởng Bộ Phát triển công nghiệp U Chan Maung và Thứ trưởng Bộ Công nghiệp (II) U Myo Aung, nhiều quan chức Myanmar, Đại sứ quán Việt Nam tại Myanmar, BIDV và khoảng 100 doanh nhân Myanmar và Việt Nam. Đoàn 37 doanh nhân của Hiệp hội cơ khí Việt Nam nghiên cứu, khảo sát, tìm kiếm đối tác ở thị trường Myanmar từ ngày 29 tháng 6 đến 3 tháng 7 năm 2011.

- Một số tập đoàn, tổng công ty, công ty của Việt Nam đang triển khai kế hoạch đầu tư và phát triển thương mại, du lịch tại thị trường Myanmar.

Theo số liệu của Cục Hải quan Myanmar, 7 tháng đầu năm 2011 kim ngạch thương mại hàng hóa hai chiều giữa Việt Nam và Myanmar **ước đạt 90 triệu USD, tăng 44%** so với cùng kỳ năm 2010 (Việt Nam xuất khẩu hàng hóa **ước đạt 40 triệu USD, tăng 97,2%** và nhập khẩu hàng hóa **ước đạt 50 triệu USD, tăng 18,5%** so với cùng kỳ năm 2010).

Trong 7 tháng đầu năm 2011, Việt Nam là nhà xuất khẩu hàng hóa tới Myanmar đứng thứ 16; sau các nước và vùng lãnh thổ: Singapore, Trung Quốc, Thái Lan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Indonesia, Hoa Kỳ, Malaysia, Ấn Độ, Đức, Thụy Sĩ, Iran, Australia, Pháp, Ả rập Xê út, Việt Nam.

Những mặt hàng chủ yếu mà Việt Nam xuất khẩu tới Myanmar là: Thép các loại, nguyên - phụ liệu may mặc, thuốc chữa bệnh và thiết bị y tế, phân bón hóa học, nguyên - phụ liệu các ngành công nghiệp khác, vật liệu

xây dựng, thiết bị điện tử, xăm lớp các loại, phụ tùng máy móc, tấm lợp bằng nhựa, mô tô, chất dẻo nguyên liệu, mỹ phẩm, hóa chất, nguyên liệu cho ngành công nghiệp thực phẩm, ắc quy, ô tô, máy tính và linh kiện máy tính, văn phòng phẩm, dụng cụ nhà bếp, thực phẩm chế biến, màn chống muỗi, đồ gỗ, thuốc trừ sâu, máy biến thế, quần áo,...

Ước Kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng chủ lực của Việt Nam tới Myanmar tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2011:

Đơn vị tính: USD

Hàng hóa	Ước tháng 7 năm 2011	Ước 7 tháng đầu năm 2011	Ghi chú
Thép các loại	1.500.000	12.000.000	
Nguyên - phụ liệu may mặc	1.000.000	8.000.000	
Thuốc chữa bệnh và thiết bị y tế	400.000	2.500.000	
Phân bón hóa học	400.000	2.500.000	
Nguyên – phụ liệu các ngành công nghiệp khác	400.000	2.500.000	
Vật liệu xây dựng	400.000	2.000.000	
Thiết bị điện tử	300.000	2.000.000	
Xăm lớp các loại	200.000	1.700.000	
Phụ tùng máy móc	200.000	1.500.000	
Tấm lợp bằng nhựa	200.000	1.100.000	
Mô tô	200.000	700.000	
Chất dẻo nguyên liệu	200.000	500.000	
Mỹ phẩm	100.000	400.000	
Hóa chất	50.000	400.000	
Nguyên liệu cho ngành công nghiệp thực phẩm	150.000	400.000	
Ắc quy	50.000	250.000	
Ô tô	50.000	200.000	
Máy tính và linh kiện máy tính	50.000	200.000	
Văn phòng phẩm	30.000	180.000	
Dụng cụ nhà bếp	30.000	160.000	
Thực phẩm chế biến	20.000	120.000	
Màn chống muỗi	50.000	100.000	
Đồ gỗ	50.000	100.000	

Hàng hóa	Ước tháng 7 năm 2011	Ước 7 tháng đầu năm 2011	Ghi chú
Thuốc trừ sâu	100.000	100.000	
Máy biến thế	100.000	100.000	
Quần áo	5.000	12.000	
Tổng kim ngạch xuất khẩu			
Ước tính theo số liệu của Cục Hải quan Myanmar	6.300.000	40.000.000	

Trong 7 tháng đầu năm 2011, Việt Nam là nhà nhập khẩu hàng hóa từ Myanmar đứng thứ 11; sau các nước và vùng lãnh thổ: Thái Lan, Ấn Độ, Hongkong, Singapore, Trung Quốc, Nhật Bản, Malaysia, Hàn Quốc, Bờ biển Ngà, Bangladesh, Việt Nam.

Những mặt hàng chủ yếu mà Việt Nam nhập khẩu từ Myanmar là:

Nông sản (đậu xanh, đậu đen, ngô vàng, đậu các loại, hạt vừng,...); Thủy sản (tôm hùm, nhuyễn thể các loại, cá khô, cá biển đông lạnh, cua biển sống, sò huyết,...); Gỗ và lâm sản (gỗ tròn các loại, gỗ Teak tròn, gỗ cao su, gỗ xẻ các loại,...); Cao su nguyên liệu; Dây thép nhỏ; Kim khâu; Da bò; Dây dây dùng để gói hàng hóa; Hàng hóa triển lãm;...

Ước Kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng chính của Việt Nam từ Myanmar tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2011:

Đơn vị tính: USD

Hàng hóa	Ước tháng 7 năm 2011	Ước 7 tháng đầu năm 2011	Ghi chú
Đậu xanh	4.000.000	24.000.000	
Đậu đen	1.000.000	8.000.000	
Gỗ tròn các loại	1.000.000	6.500.000	
Ngô vàng	500.000	3.000.000	
Tôm hùm	200.000	1.400.000	
Cao su nguyên liệu	200.000	1.200.000	
Đậu các loại	200.000	1.200.000	
Dây thép nhỏ	200.000	1.000.000	
Kim khâu	100.000	800.000	
Da bò	100.000	700.000	
Hạt vừng	50.000	250.000	
Nhuyễn thể các loại	50.000	200.000	

Hàng hóa	Ước tháng 7 năm 2011	Ước 7 tháng đầu năm 2011	Ghi chú
Cá khô	50.000	200.000	
Cá biển đông lạnh	50.000	100.000	
Dây đay dùng để gói hàng hóa	20.000	80.000	
Hàng hóa triển lãm	20.000	60.000	
Tổng kim ngạch nhập khẩu			
Ước tính theo số liệu của Cục Hải quan Myanmar	8.000.000	50.000.000	